TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN DƯƠNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST
Ngày 28-02-2020
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Minh Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đồng Thị Thường

Bà Nguyễn Thị Lợi

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Đào Mai Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà:*** Bà Nguyễn Thùy Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện An Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 427/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2019 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị Kim T; Nơi cư trú: Thôn N1, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Lê Văn N; Nơi cư trú: Thôn N2, xã H1, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện, tại Biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Lê Thị Kim T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà kết hôn với ông Lê Văn N trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng vào năm 1991. Sau khi kết hôn, bà và ông N về chung sống tại Khu tập thể Trường Bổ túc văn hóa huyện A, sau đó vợ chồng chuyển về cư trú tại thôn N1, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong việc ứng xử với con riêng của mỗi bên, nên vợ chồng tình cảm xa

lánh, thường xuyên xảy ra va chạm đánh cãi chửi nhau. Ông N thường đánh chửi bà vô cớ trước mặt các con riêng của bà và đập phá tài sản. Do mâu thuẫn căng thẳng nên từ năm 2014 đến nay, ông N đã bỏ bà về cư trú tại quê của ông N ở thôn N2, xã H1, huyện A, thành phố Hải Phòng. Từ khi ông N về quê cư trú đến nay không lần nào bà và ông N quay về chung sống cùng nhau nữa. Vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Văn N.

Về con chung: Bà và ông Lê Văn N không có con chung.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai, bị đơn là ông Lê văn N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian và điều kiện kết hôn của ông và bà T theo như bà T đã khai là đúng. Trong cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong việc ứng xử với con riêng của mỗi bên dẫn đến vợ chồng tình cảm xa lánh. Từ năm 2014 đến nay, ông đã về cư trú tại thôn N2, xã H1, huyện A, thành phố Hải Phòng. Ông và bà T không quan tâm và trách nhiệm với nhau. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng bà T xin ly hôn, ông không đồng ý.

Về con chung: Ông và bà T không có con chung.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung*:

+ Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

+ Căn cứ: Điều 39 Bộ luật Dân sự;

+ Căn cứ các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim T, xử cho bà T được ly hôn ông Lê Văn N. Về con chung: Bà T và ông N không có con chung nên không giải quyết. Về tài sản chung: Bà T và ông N không yêu cầu nên không giải quyết. Bà T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Lê Thị Kim T có đơn khởi kiện xin ly hôn với ông Lê Văn N. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Lê Văn N có nơi cư trú tại thôn N2, xã H1, huyện A, thành phố Hải Phòng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa, ông Lê Văn N vắng mặt có lời khai đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện An Dương tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Văn N.

[3] Bà Lê Thị Kim T và ông Lê Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 19 tháng 4 năm 1991 theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của các đương sự, căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập có đủ cơ sở xác định: Quá trình chung sống, bà Lê Thị Kim T và ông Lê Văn N đã phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong việc ứng xử với con riêng của mỗi bên, nên tình cảm xa lánh, thường xuyên xảy ra va chạm cãi vã, xúc phạm nhau. Xét thấy tình trạng hôn nhân của bà Lê Thị Kim T và ông Lê Văn N mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Kim T đối với ông Lê Văn N. Ông Lê Văn N không đồng ý ly hôn, nhưng ông N cũng không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Vì vậy, việc ông N không đồng ý ly hôn là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Về con chung: Bà Lê Thị Kim T và ông Lê Văn N không có con chung nên không giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Bà Lê Thị Kim T và ông Lê Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không giải quyết.

[7] Về án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị Kim T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 147; khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 6; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Kim T được ly hôn ông Lê Văn N.

2. Về án phí: Bà Lê Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án

phí ly hôn bà T đã nộp theo Biên lai thu tiền số 4558 ngày 05 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương. Bà Lê Thị Kim T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương;
- UBND thị trấn A;
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trương Minh Huế